TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DS-ST
Ngày 26 - 02 - 2026
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh.
Ông Võ Thanh Liêm;

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau và điểm cầu thành phần tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1966; Căn cước công dân số 096066003185 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Kim P là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc T1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, khóm C, phường A, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01 tháng 6 năm 2024, ông có thỏa thuận với ông Nguyễn Ngọc T1 về việc ông sẽ cho ông T1 vay số tiền 30.000.000đ để ông T1 dùng số tiền này cho người khác vay lại, thời hạn vay: không xác định. Do ông với ông T1 có mối quan hệ thân thiết nên khi ông đưa số tiền 30.000.000đ cho ông T1 thì không có làm biên nhận về việc giao tiền nhưng tại biên bản hòa giải vào ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C (nay là phường T), tỉnh Cà Mau thì ông T1 đã thừa nhận việc ông T1 có nhận của ông số tiền 30.000.000đ để cho người khác vay lại và ông T1 sẽ trả lại cho ông số tiền 30.000.000đ. Từ tháng 5 năm 2025 đến nay, ông đã nhiều lần yêu cầu cầu ông T1 trả lại cho ông số tiền 30.000.000đ nhưng

ông T1 luôn né tránh và không có thiện chí trả lại tiền.

Vì vậy nay ông yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 trả lại cho ông số tiền 30.000.000đ, ông không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay nêu trên.

- Đối với ông Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T1 đều vắng mặt, ông T1 cũng không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Qua nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện ông Nguyễn Tấn T có giao cho ông Nguyễn Ngọc T1 số tiền 30.000.000đ, việc ông T yêu cầu là có cơ sở thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2025. Do đó căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc T1 hoàn trả số tiền 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc T1 là bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 hoàn trả số tiền 30.000.000đ.

Xét thấy: Theo ông T trình bày vào ngày 01/6/2024 giữa ông và ông T1 có thỏa thuận với nội dung ông T có giao số tiền 30.000.000đ cho ông T1 để ông T1 cho vay lại lấy lãi đóng Ngân hàng. Việc các bên thỏa thuận không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng. Tại phiên tòa ông T trình bày số tiền 30.000.000đ ông giao ông T1 02 lần bằng hình thức chuyển khoản, do không sử dụng tài khoản Ngân hàng nên ông nhờ người khác chuyển khoản, hiện ông không nhớ người chuyển khoản dùm là ai và tài khoản của ông T1 bao nhiêu. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết ông T1 vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại Biên bản ngày 30/5/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C (nay là Ủy ban nhân dân phường T), tỉnh Cà Mau lập thể hiện ông T1 xác định không có mượn số tiền 43.500.000đ nhưng ông T1 thừa nhận số tiền trên ông T đưa cho ông để cho người khác vay để lấy lãi về đóng Ngân hàng. Nếu ông T cần lấy lại ông sẽ đưa lại số tiền 30.000.000đ và xác định ông T chỉ đưa cho ông số tiền 30.000.000đ... Do đó việc ông T trình bày có đưa số tiền 30.000.000đ và được ông T1 thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 30/5/2025. Đối với việc ông T1 cho người khác vay lại và ông T cũng không biết cho ai vay nên ông T không liên quan gì với số tiền ông T1 cho người khác vay lại. Vì vậy ông T yêu cầu ông T1 hoàn trả số tiền vốn là có cơ sở chấp nhận nên buộc ông T1 thanh toán cho ông T số tiền vốn là 30.000.000đ.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T tổng số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Tấn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc T1 không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Nguyễn Ngọc T1 phải nộp 1.500.000đ (chưa nộp).

+ Ông Nguyễn Tấn T không phải nộp án phí. Vào ngày 02/12/2025 ông Nguyễn Tấn T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000đ, tại lai thu số 0005745 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV 1- Cà Mau;
- Phòng THADS KV 1-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Lê Thị Thu